

ĐẶC ĐIỂM VÀ NGUYÊN NHÂN TAI NẠN THƯƠNG TÍCH CỦA NGƯỜI DÂN TẠI 2 XÃ TỈNH THÁI BÌNH NĂM 2018

Phạm Anh Tuấn¹, Ngô Thị Nhu², Nguyễn Hữu Ngự², Đặng Thị Vân Quy²

TÓM TẮT

Từ tháng 10/2018 đến tháng 3/2019 chúng tôi tiến hành khảo sát tỷ lệ, đặc điểm và nguyên nhân tai nạn thương tích của 104 người dân tại xã Vũ Chính thành phố Thái Bình và 133 người dân xã Vũ Hội huyện Vũ Thư tỉnh Thái Bình. Chúng tôi thu được kết quả: Tỷ lệ tai nạn thương tích chung là 14,6%; trong đó tỷ lệ cao nhất là té ngã chiếm 49,8%; sau đến tai nạn thương tích trong lao động là 23,2%; tai nạn giao thông chiếm thứ ba (21,5%). Tỷ lệ bị tai nạn thương tích ở nam cao hơn nữ (63,3% - 36,7%); độ tuổi bị cao nhất là 16 đến 25 (36,7%). Nguyên nhân chủ yếu gây tai nạn thương tích là do vô ý (85,2%). Tai nạn thương tích xảy ra chủ yếu tại nhà (35,9%); tại nơi làm việc là 29,5. Đa số người bị tai nạn thương tích không sử dụng rượu bia. Tỷ lệ khỏi hoàn toàn sau khi bị tai nạn thương tích là 69,6%; chủ yếu là giảm khả năng vận động (94,4%); không có trường hợp tử vong khi bị tai nạn thương tích.

Từ khóa: Tai nạn thương tích, nguyên nhân tai nạn thương tích.

ABSTRACT:

CHARACTERISTICS AND CAUSES OF INJURIES OF PEOPLE IN 2 COMMUNES OF THAI BINH PROVINCE IN 2018

We conducted a survey on the rate, characteristics and causes of injuries of 104 people in Vu Chinh commune, Thai Binh city and 133 people in Vu Hoi commune, Vu Thu district, Thai Binh province from 10/2018 to 3/2019. We attained results: The overall injury rate was 14.6%; in which the highest rate was 49.8 falling, next to the injury rate in labor was 23.2%, finally the rate of traffic accidents accounted for 21.5%. Injuries rate in men was higher than that in women (63.3% - 36.7%). The ages of the highest injury rate were 16 to 25 years old. The main

cause of injuries was inadvertent (85.2%). Injuries occurred primarily at home (35.9%) and at work place (29.5). The majority of people suffering injuries did not use alcohol. The rate of complete cure after an injury was 69.6%, decreased locomotion was essential (94.4). There were no cases of death after an injury.

Key words: Injury, the cause of injury.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tại Việt Nam, tai nạn thương tích đang là một trong những nguyên nhân gây tử vong cao ở Việt Nam. Theo kết quả điều tra y tế Quốc gia 2001-2002, tai nạn đứng thứ tư trong các nguyên nhân gây tử vong. Trong đó, tai nạn thương tích chủ yếu là bỏng, đuối nước, ngã, giết người và bạo lực, ngộ độc, tự tử, tai nạn giao thông và các chấn thương có chủ định khác. Nguyên nhân của thực trạng tai nạn thương tích trên một phần do nhận thức của cộng đồng về phòng chống tai nạn thương tích còn hạn chế. Chính quyền các cấp chưa quan tâm đúng mức đến việc chỉ đạo và đầu tư thực hiện công tác phòng, chống tai nạn thương tích ở địa phương chính vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài với mục tiêu sau:

Xác định tỷ lệ, đặc điểm và nguyên nhân tai nạn thương tích của người dân tại 2 xã tỉnh Thái Bình năm 2018.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Địa bàn nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện tại xã Vũ Chính - TP Thái Bình và xã Vũ Hội huyện Vũ Thư.

2.2. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là người dân tại 2 xã điều tra, là những người sống, sinh hoạt và làm việc tại địa phương trong thời gian ít nhất là 01 năm

2.3. Thời gian nghiên cứu

Từ tháng 10/2018 đến tháng 3/2019

2.4. Phương pháp nghiên cứu

1. Trường Cao đẳng y tế Thái Bình

2. Trường Đại học Y Dược Thái Bình

Đề tài nghiên cứu được thực hiện theo thiết kế nghiên cứu dịch tễ học mô tả với điều tra cắt ngang. Việc điều tra cắt ngang được thực hiện qua:

+ Điều tra hộ gia đình (bao gồm tất cả những người sống trong gia đình theo tuổi, giới và các đặc trưng khác).

+ Điều tra tất cả những người trong hộ gia đình đó bị TNTT trong thời gian từ 01/10/2017 - 31/10/2018.

Phân tích và xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS 18.0

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 3.1. Tỷ lệ tai nạn thương tích trên địa bàn nghiên cứu

Địa bàn nghiên cứu	Số đối tượng nghiên cứu	Số người bị TNTT	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Xã Vũ Chính	803	104	12,9
Xã Vũ Hội	822	133	16,2
Tổng	1625	237	14,6

Kết quả bảng 3.1 cho thấy với 1625 người dân tại 2 xã, chúng tôi xác định được tỷ lệ tai nạn thương tích chung cho 2 xã là 14,6%; trong đó xã Vũ Chính là 12,9% và xã Vũ Hội là 16,2%.

Bảng 3.2. Tỷ lệ các loại tai nạn thương tích

Loại TNTT	Vũ Chính		Vũ Hội		Chung	
	SL	%	SL	%	SL	%
Tai nạn giao thông	32	30,8	19	14,3	51	21,5
Té ngã	66	63,5	52	39,1	118	49,8
Súc vật cắn	2	1,9	6	4,5	8	3,4
Bông, phỏng lửa	4	3,8	1	0,7	5	2,1
Máy công cụ lao động	0	-	55	41,4	55	23,2
Tổng	104	100	133	100	237	100

Bảng 3.2 cho thấy trong các loại tai nạn thương tích tại địa bàn nghiên cứu thì tai nạn do té ngã chiếm tỷ lệ cao nhất là 49,8%; sau đến tai nạn do máy công cụ lao động chiếm 23,2%; tai nạn giao thông chiếm 21,5%. Tai nạn do súc vật cắn và bông chiếm tỷ lệ thấp.

Bảng 3.3. Nguyên nhân dẫn đến tai nạn thương tích

Nguyên nhân	Vũ Chính (n=104)		Vũ Hội (n=133)		Chung (n=237)	
	SL	%	SL	%	SL	%
Vô ý do người khác	16	15,4	17	12,8	33	13,9
Vô ý do mình	87	83,6	115	86,5	202	85,2
Cố ý bởi người khác	1	1,0	0	-	1	0,4
Do thiên tai	0	-	1	0,7	1	0,4

Trong các trường hợp tai nạn thương tích chúng tôi điều tra được thì nguyên nhân là vô ý do mình chiếm 85,2%; vô ý do người khác là 13,9%; cố ý bởi người khác; do thiên tai chiếm 0,4%.

Bảng 3.4. Phân bố các loại tai nạn thương tích theo giới tính

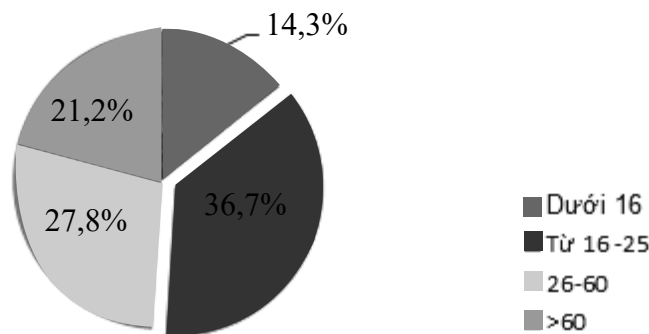
Loại TNTT	Nam		Nữ		Chung	
	SL	%	SL	%	SL	%
Tai nạn giao thông	30	20,0	21	24,1	51	21,5
Té ngã	65	43,3*	53	60,9*	118	49,8
Tai nạn lao động	48	32,0*	7	8,0*	55	23,2
Động vật cắn	4	2,7	4	4,6	8	3,4
Bỏng, phỏng lửa	3	2,0	2	2,3	5	2,1
Tổng	150	63,3*	87	36,7*	237	100

Ghi chú: $p^* < 0,05$.

Bảng 3.4 cho thấy tai nạn thương tích gặp ở nữ là 36,7%; nam giới là 63,3%. Trong tai nạn lao động thì nam

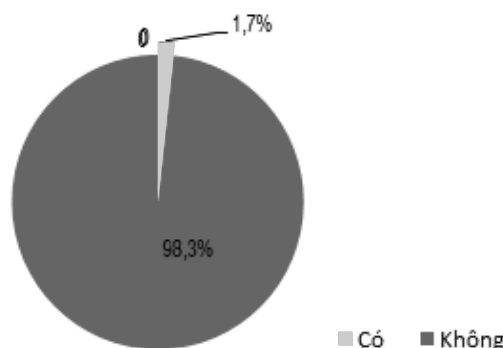
chiếm 32%; nữ chiếm 8%. Có sự khác biệt về hai giới ở tai nạn thương tích do lao động (nam cao hơn nữ); té ngã (nữ cao hơn nam); tai nạn chung (nam cao hơn nữ).

Biểu đồ 3.1. Phân bố các loại tai nạn thương tích theo nhóm tuổi (n=237)



Kết quả biểu đồ 3.1 cho thấy tỷ lệ tai nạn thương tích ở trẻ dưới 16 tuổi là 14,3%; từ 16 - 25 tuổi bị nhiều nhất là 36,7%; lứa tuổi 26-60 chiếm tỷ lệ là 27,8%.

Biểu đồ 3.2. Sử dụng bia rượu khi xảy ra tai nạn thương tích (n=237)



Kết quả biểu đồ 3.1 cho thấy trong các đối tượng bị tai nạn thương tích chỉ có 1,7% là có sử dụng rượu bia.

Bảng 3.5. Sơ cứu tại nơi xảy ra tai nạn thương tích

Sơ cứu	Vũ Chính (n=104)		Vũ Hội (n=133)		Chung (n=237)	
	SL	%	SL	%	SL	%
Có được sơ cứu	67	64,4	79	59,4	146	61,6
Không được sơ cứu	37	35,6	54	40,6	91	39,4

Qua kết quả bảng 3.5 cho thấy những người bị tai nạn thương tích có được sơ cứu là 61,6%; trong đó tại xã Vũ Chính tỷ lệ này là 64,4%; xã Vũ Hội là 59,6%.

Bảng 3.6. Người sơ cấp cứu ban đầu cho người bị tai nạn thương tích

Người sơ cấp cứu	Vũ Chính (n=67)		Vũ Hội (n=79)		Chung (n=146)	
	SL	%	SL	%	SL	%
Tự sơ cấp cứu	5	7,5	14	17,7	16	11,0
Người nhà, bạn, đồng nghiệp	22	32,8	14	17,7	36	24,6
Cán bộ y tế	28	41,8	51	64,6	79	54,1
Người đi đường	12	17,9	0	-	12	8,2

Bảng kết quả 3.6 cho thấy khi bị tai nạn thương tích, số người được cán bộ y tế sơ cấp cứu chiếm tỷ lệ là 54,1%; người nhà, bạn bè, đồng nghiệp là 24,6%; tự sơ cấp cứu là 11%.

Bảng 3.7. Thời gian đối tượng được sơ cứu

Thời gian được sơ cứu	Vũ Chính (n=67)		Vũ Hội (n=79)		Chung (n=146)	
	SL	%	SL	%	SL	%
Trước 30 phút	59	88,0	30	36,0	89	61,0
Trong 1 giờ đầu	5	7,5	12	15,2	17	11,6
Từ 1-3 giờ	1	1,5	12	15,2	13	8,9
Từ 3-6 giờ	0	-	3	3,8	3	2,0
Từ 6-24 giờ	1	1,5	21	26,6	22	15,7
Sau 24 giờ	1	1,5	1	1,3	2	2,0

Kết quả bảng 3.7 cho thấy người bị tai nạn thương tích được sơ cấp cứu trước 30 phút đầu chiếm tỷ lệ cao nhất là 61%; trong 1 giờ đầu là 11,6%; từ 6-24 giờ là 15,7%; sau 24 giờ là 2%.

Bảng 3.8. Những vị trí tổn thương khi bị tai nạn thương tích

Vị trí tổn thương	Vũ Chính (n=104)		Vũ Hội (n=133)		Chung (n=237)	
	SL	%	SL	%	SL	%
Đầu mặt cổ	15	14,4	27	11,6	42	17,7
Thân mình	12	11,5	0	-	12	5,0
Tứ chi	84	80,8	108	81,2	192	81,0
Bụng	1	1,0	0	-	1	0,4

Qua kết quả bảng 3.8 cho thấy 81% số người bị tai nạn thương tích tổn thương tứ chi là 81%; tổn thương đầu mặt cổ là 17,7%; thân mình là 5%.

Bảng 3.9. Những ảnh hưởng sau khi bị tai nạn thương tích

Ảnh hưởng sau khi TNTT	Vũ Chính (n=104)		Vũ Hội (n=133)		Chung (n=237)	
	SL	%	SL	%	SL	%
Khôi hoàn toàn	57	54,8	108	81,2	165	69,6
Di chứng	47	45,2	25	18,8	72	30,4
Tử vong	0	-	0	-	0	-

Sau khi bị tai nạn thương tích trong vòng 1 năm qua thì các đối tượng khôi hoàn toàn chiếm 69,6%; có để lại di chứng là 30,4%.

Bảng 3.10. Di chứng sau khi bị tai nạn thương tích

Di chứng	Xã Vũ Chính (n=47)		Xã Vũ Hội (n=25)		Chung (n=72)	
	SL	%	SL	%	SL	%
Giảm nhận thức	2	4,2	2	8,0	4	5,6
Giảm khả năng vận động	45	95,8	23	92,0	68	94,4

Kết quả bảng 3.10 cho thấy 94,4% đối tượng bị giảm khả năng vận động. Kết quả ở 2 xã tương đương nhau.

IV. BÀN LUẬN

Nghiên cứu của chúng tôi được thực hiện tại 2 xã vùng nông thôn của tỉnh Thái Bình. Xã Vũ Hội là xã có một số làng nghề phụ như nghề “đồng nát” hay còn gọi là nghề thu gom rác thải kim loại (phế liệu), nghề đúc nhôm, nghề làm bún. Xã Vũ Chính là xã với nghề nông nghiệp là chủ yếu. Tỷ lệ đối tượng bị tai nạn thương tích chung tại địa bàn nghiên cứu là 14,6%. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cao

hơn rất nhiều so với nghiên cứu của Lê Anh Tuấn tại huyện Hưng Nguyên tỉnh Nghệ An (4,26%); nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thế Bê tại Thái Bình năm 2012 là 6,7%. Có sự khác biệt này có thể là do sự khác biệt về địa lý.

Xác định tỷ lệ các loại tai nạn thương tích trong nghiên cứu của chúng tôi cho thấy té ngã cũng chiếm tỷ lệ cao nhất (49,8%); công cụ lao động là 23,2%; tai nạn giao thông là 21,5%. Tuy nhiên, về tai nạn trong lao động thì chỉ được thấy ở xã Vũ Hội. Điều này có thể giải thích về đặc điểm về nghề nghiệp và tính chất làng nghề của xã

Phân bố các loại tai nạn thương tích thì bảng 3.5 cũng



cho thấy tai nạn do lao động chủ yếu gặp ở nam (32%), trong đó nữ chỉ chiếm 7%; nhưng ngược lại té ngã lại gặp ở nữ nhiều hơn nam (60,9% và 43,3%); tỷ lệ tai nạn thương tích do giao thông thì ở nam tương đương với nữ. Kết quả này cũng là phù hợp với thực tế về giới, tuổi lao động, lực lượng tham gia lao động chủ yếu và có liên quan đến máy móc là nam giới; nhưng nam giới lại chắc chắn hơn nên ít bị té ngã nhất là người cao tuổi

V. KẾT LUẬN

- Tỷ lệ tai nạn thương tích chung là 14,6%; trong tỷ lệ cao nhất là té ngã chiếm 49,8%; sau đến tai nạn thương tích trong lao động là 23,2%; tai nạn giao thông chiếm thứ ba (21,5%).

- Tỷ lệ bị tai nạn thương tích ở nam cao hơn nữ (63,3% - 36,7%); độ tuổi bị cao nhất là 16 đến 25 (36,7%).

- Nguyên nhân chủ yếu gây tai nạn thương tích là do vô ý (85,2%). Tai nạn thương tích xảy ra chủ yếu tại nhà (35,9%); tại nơi làm việc là 29,5%. Khi xảy ra tai nạn thương tích không có ai đi cùng chiếm tỷ lệ là 56,9%.

- Đa số người bị tai nạn thương tích không sử dụng rượu bia; tỷ lệ được sơ cứu khi bị tai nạn thương tích là 61,6% và chủ yếu được sơ cứu trước 30 phút đầu khi xảy ra tai nạn thương tích.

- Tỷ lệ khỏi hoàn toàn sau khi bị tai nạn thương tích là 69,6%; chủ yếu là giảm khả năng vận động (94,4%); không có trường hợp tử vong khi bị tai nạn thương tích.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Tấn An, Đặng Văn Chính (2014), “Tỷ lệ chấn thương do tai nạn giao thông đường bộ và kết quả điều trị tại bệnh viện tỉnh Ninh Thuận năm 2011”, *Tạp chí Y học thành phố Hồ Chí Minh*, Tập 18, số 6, tr. 126.
2. Nguyễn Thế Bê (2013), *Nghiên cứu tai nạn thương tích và một số yếu tố ảnh hưởng đến tai nạn thương tích của người dân tỉnh Thái Bình năm 2011-2012*, Luận án Chuyên khoa cấp II, Trường Đại học Y Thái Bình
3. Lê Thanh Hải, Hà Công Thanh (2010), “Một số đặc điểm TNTT trẻ em vào cấp cứu tại Bệnh viện Hữu Nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới”, *Tạp chí Y học Thực hành*, (714), số 4, Tr. 59-61.
4. Lê Thị Hương, Nguyễn Thúy Quỳnh (2018), “Thực trạng tai nạn thương tích của học sinh trường Trung học cơ sở Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội năm 2018”, *Tạp chí Y học Dự phòng*, Tập 28, số 4(146), tr. 27.
5. Trần Thị Thực, Nguyễn Thúy Quỳnh (2017), “Thực trạng tai nạn thương tích trong lao động của người làm mộc tại làng nghề mộc Vĩnh Đông, huyện Yên Lạc tỉnh Vĩnh Phúc năm 2017”, *Tạp chí Y học Dự phòng*, Tập 27, số 5, tr. 252.